

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 19/SAVINA/CV/2020

V/v: Công bố thông tin BCTC kiểm toán năm  
2019

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT ✓



CAO TIẾN BÌNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20/SAVINA/CV/2020

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC năm 2019

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Kính gửi:

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**  
**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiên Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố:
  - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính Năm 2019 dưới đây.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>  
Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



**CAO TIÊN BÌNH**



**BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

Mã số	Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch %
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.862.197.601	36.851.735.287	2.010.462.314	5%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	38.862.197.601	36.851.735.287	2.010.462.314	5%
11	4. Giá vốn hàng bán	27.007.472.278	24.844.290.783	2.163.181.495	9%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	11.854.725.323	12.007.444.504	(152.719.181)	-1%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	114.482.417.631	53.492.028.557	60.990.389.074	114%
22	7. Chi phí tài chính	(9.143.889.768)	38.279.029	(9.182.168.797)	-23987%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	6.262.566.347	6.241.014.018	21.552.329	0,3%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.684.705.151	20.082.013.067	602.692.084	3%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	108.533.761.224	39.138.166.947	69.395.594.277	177%
31	11. Thu nhập khác	1.346.656.832	123.945.327	1.222.711.505	986%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	1.346.656.832	123.945.327	1.222.711.505	986%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	109.880.418.056	39.262.112.274	70.618.305.782	180%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.234.642.712	6.509.944.173	13.724.698.539	211%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	89.645.775.344	32.752.168.101	56.893.607.243	174%

**Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KOKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên**

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2019 là: 89.646 triệu đồng; tăng 174% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2.010 triệu đồng; giá vốn tăng 2.163 triệu đồng nên lợi nhuận gộp giảm 153 triệu đồng; tương đương giảm 1%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 60.990 triệu đồng, tương đương tăng 114%.
- Chi phí tài chính giảm 9.182 triệu đồng do hoàn nhập khoản trích lập dự phòng hoạt động đầu tư khác.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 624 triệu đồng, tương đương tăng 2%.
- Chi phí thuế TNDN tăng 13.725 triệu đồng, tương đương tăng 211%.

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên	
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cao Tiến Bình, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Cao Tiến Bình  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61306203/21167208

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

---

Phùng Mạnh Phú  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

---

Ngô Thị Phương Nhung  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3069-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>838.862.916.449</b>	<b>740.057.354.737</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.086.461.938</b>	<b>1.155.196.184</b>
111	1. Tiền		2.086.461.938	1.155.196.184
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>176.500.000.000</b>	<b>126.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		176.500.000.000	126.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>651.233.844.585</b>	<b>603.632.040.887</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.925.980.876	6.417.411.264
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		413.333.333	449.074.934
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	550.000.000.000	550.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	97.892.122.016	46.765.554.689
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.408.360	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>9.042.609.926</b>	<b>9.270.117.666</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	10.205.755.822	9.270.117.666
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.163.145.896)	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>27.975.199.714</b>	<b>35.352.038.063</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	135.000.000	135.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.127.595.990</b>	<b>8.085.146.577</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.040.152.889	7.951.410.080
222	Nguyên giá		21.195.260.896	21.150.060.896
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.155.108.007)	(13.198.650.816)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	87.443.101	133.736.497
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(144.023.899)	(97.730.503)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>9.865.219.891</b>	<b>11.154.171.491</b>
231	1. Nguyên giá		30.568.731.091	30.568.731.091
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(20.703.511.200)	(19.414.559.600)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>9.427.342.680</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.322.500.000	3.272.500.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	15.340.360.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(9.185.517.320)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>524.883.833</b>	<b>550.377.315</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	524.883.833	550.377.315
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>866.838.116.163</b>	<b>775.409.392.800</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.834.131.981</b>	<b>17.008.383.962</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>18.487.631.981</b>	<b>16.515.183.962</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	9.712.506.700	8.351.472.562
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		302.057.583	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.270.213.519	3.979.857.932
314	4. Phải trả người lao động		1.097.799.112	955.598.772
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		131.380.000	119.400.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		564.255.067	712.313.814
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		409.420.000	2.396.540.882
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>346.500.000</b>	<b>493.200.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		346.500.000	493.200.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>848.003.984.182</b>	<b>758.401.008.838</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>848.003.984.182</b>	<b>758.401.008.838</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ		(160.500.000)	(117.700.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.243.732.598	7.597.957.254
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế) đến cuối năm trước		7.597.957.254	(25.154.210.847)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		89.645.775.344	32.752.168.101
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>866.838.116.163</b>	<b>775.409.392.800</b>

Nguyễn Thị Minh  
Người lập

Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Cao Tiên Bình  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	38.862.197.601	36.851.735.287
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	38.862.197.601	36.851.735.287
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(27.007.472.278)	(24.844.290.783)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.854.725.323	12.007.444.504
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	114.482.417.631	53.492.028.557
22	7. Chi phí tài chính	21	9.143.889.768	(38.279.029)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(6.262.566.347)	(6.241.014.018)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(20.684.705.151)	(20.082.013.067)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		108.533.761.224	39.138.166.947
31	11. Thu nhập khác	23	1.346.656.832	123.945.327
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.346.656.832	123.945.327
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.880.418.056	39.262.112.274
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(20.234.642.712)	(6.509.944.173)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		89.645.775.344	32.752.168.101
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.320	482
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.320	482



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



C.T. Cao Tiến Bình  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>109.880.418.056</b>	<b>39.262.112.274</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	2.291.702.187	2.341.815.041
03	Các khoản dự phòng		(8.022.371.424)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(114.477.510.923)	(53.461.014.054)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(10.327.762.104)</b>	<b>(11.857.086.739)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		3.511.840.130	1.085.634.851
10	Tăng hàng tồn kho		(935.638.156)	(1.938.134.316)
11	Giảm các khoản phải trả		(244.828.820)	(9.554.353.272)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		25.493.482	(111.830.961)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(18.164.065.873)	(2.679.370.232)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(26.134.961.341)</b>	<b>(25.055.140.669)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(45.200.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(129.000.000.000)	(688.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		78.500.000.000	615.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.050.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.580.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.124.227.095	10.614.503.264
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>27.109.027.095</b>	<b>(61.885.496.736)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(42.800.000)	(117.700.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(42.800.000)</b>	<b>(117.700.000)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		931.265.754	(87.058.337.405)
60	Tiền đầu năm		1.155.196.184	88.213.533.589
70	Tiền cuối năm	4	2.086.461.938	1.155.196.184



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 60 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 60 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

#### 3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)*

Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
  - Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh sách và cho thuê bất động sản đầu tư. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

#### 3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	53.016.309	4.880.507
Tiền gửi ngân hàng	2.033.445.629	1.150.315.677
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.086.461.938</b>	<b>1.155.196.184</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất 6,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,2%/năm đến 7%/năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ bán hàng hóa	2.404.222.128	2.355.300.685
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>	<i>475.500.000</i>	<i>425.000.000</i>
<i>Hiệu sách Thuật</i>	<i>386.137.423</i>	<i>476.241.219</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>1.542.584.705</i>	<i>1.454.059.466</i>
Phải thu từ dịch vụ cho thuê	521.758.748	4.062.110.579
<i>Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam</i>	<i>435.973.898</i>	<i>3.919.257.210</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>85.784.850</i>	<i>142.853.369</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.925.980.876</b>	<b>6.417.411.264</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	<i>2.459.211.898</i>	<i>2.498.154.054</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 26)</i>	<i>466.768.978</i>	<i>3.919.257.210</i>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các khoản cho đối tác doanh nghiệp vay (i)	550.000.000.000	550.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

(i) Số cuối năm là khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với kỳ hạn 12 tháng, hưởng lãi suất 9%/năm và được đảm bảo bằng toàn bộ vốn góp của bên đi vay. Khoản cho vay này sau đó đã được gia hạn thêm 12 tháng và sẽ đáo hạn trong tháng 7 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi cho vay (*)	97.867.567.117	-	46.753.923.289	-
Tạm ứng cho nhân viên	24.554.899	-	11.631.400	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.892.122.016</b>	<b>-</b>	<b>46.765.554.689</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	135.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản lãi phải thu phát sinh từ khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay (Thuyết minh số 7) và sẽ được thu hồi cùng gốc vay khi đáo hạn.

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu	28.731.623	-	270.545.844	-
Thành phẩm	3.309.527.739	-	1.475.630.218	-
Hàng ký gửi	169.882.381	-	125.737.673	-
Hàng hóa	6.697.614.079	(1.163.145.896)	7.398.203.931	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.205.755.822</b>	<b>(1.163.145.896)</b>	<b>9.270.117.666</b>	<b>-</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	1.163.145.896	-
Số cuối năm	1.163.145.896	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	17.117.521.633	913.524.181	3.119.015.082	21.150.060.896
Mua trong năm	-	-	45.200.000	45.200.000
Số cuối năm	<u>17.117.521.633</u>	<u>913.524.181</u>	<u>3.164.215.082</u>	<u>21.195.260.896</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	-	466.377.030	-	466.377.030
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	9.582.095.996	745.279.526	2.871.275.294	13.198.650.816
Khấu hao trong năm	<u>777.529.644</u>	<u>65.869.860</u>	<u>113.057.687</u>	<u>956.457.191</u>
Số cuối năm	<u>10.359.625.640</u>	<u>811.149.386</u>	<u>2.984.332.981</u>	<u>14.155.108.007</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>7.535.425.637</u>	<u>168.244.655</u>	<u>247.739.788</u>	<u>7.951.410.080</u>
Số cuối năm	<u>6.757.895.993</u>	<u>102.374.795</u>	<u>179.882.101</u>	<u>7.040.152.889</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	231.467.000
Mua trong năm	-
Số cuối năm	<u>231.467.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	97.730.503
Hao mòn trong năm	<u>46.293.396</u>
Số cuối năm	<u>144.023.899</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>133.736.497</u>
Số cuối năm	<u>87.443.101</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	27.247.468.212	3.321.262.879	30.568.731.091
Số cuối năm	27.247.468.212	3.321.262.879	30.568.731.091
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	16.377.193.966	3.037.365.634	19.414.559.600
Khấu hao trong năm	1.162.623.312	126.328.288	1.288.951.600
Số cuối năm	17.539.817.278	3.163.693.922	20.703.511.200
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	10.870.274.246	283.897.245	11.154.171.491
Số cuối năm	9.707.650.934	157.568.957	9.865.219.891

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm; số 22B Phố Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm; Kho Bãi Chám tại Huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng Phố Chùa Hà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 do các bất động sản này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(\*) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (i)	Giá gốc	Dự phòng (ii)	Giá trị ghi sổ (i)
Đầu tư vào công ty liên kết	4.322.500.000	-	4.322.500.000	3.272.500.000	-	3.272.500.000
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680
	<b>4.322.500.000</b>	<b>-</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>18.612.860.000</b>	<b>(9.185.517.320)</b>	<b>9.427.342.680</b>

- (i) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Số đầu năm là khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc. Trong năm, Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này và hoàn nhập toàn bộ số dự phòng đã lập (Thuyết minh số 21).

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	27,76	27,76	35	35

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 14,5 tỷ VND. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần. Vốn thực góp của Công ty tại Công ty cổ phần In sách cho giai đoạn trước cổ phần hóa là 2.975.000.000 VND tương đương với tỷ lệ vốn nắm giữ 35% trên tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In sách Việt Nam. Theo xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty đã ghi nhận các điều chỉnh tăng thêm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam với giá trị là 297.500.000 VND. Theo đó, giá trị ghi sổ khoản đầu tư này tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 là 3.272.500.000 VND.

Ngày 4 tháng 7 năm 2019, Công ty Cổ phần In sách Việt Nam đã hoàn tất chào bán 300.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và 300.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược theo phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông của công ty này phê duyệt. Theo đó, Công ty đã mua thêm 105.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần In sách Việt Nam (trong tổng số 105.000 cổ phiếu được phép mua) với tổng giá trị là 1.050.000.000 VND. Sau giao dịch tăng vốn này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam đã giảm từ 35% tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 xuống còn 27,76% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

*Đơn vị tính: VND*

Tên đơn vị	Ngành nghề	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc	Kinh doanh khách sạn	-	-	15,2	15,2

Ngày 11 tháng 1 năm 2019, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư trong Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc cho một đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí chuyển nhượng là 68,58 tỷ VND. Trong tháng 3 năm 2019, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần này và ghi nhận khoản lãi với số tiền là 53,2 tỷ VND vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm (Thuyết minh số 19.2).

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	324.733.194	347.748.307
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	155.092.610	128.891.495
Các khoản trả trước dài hạn khác	45.058.029	73.737.513
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>524.883.833</b>	<b>550.377.315</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	9.712.506.700	9.712.506.700	8.298.629.112	8.298.629.112
- Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	700.700.000	700.700.000	471.900.000	471.900.000
- Nhà Xuất Bản Cambridge	2.147.416.112	2.147.416.112	1.057.607.661	1.057.607.661
- Phải trả đối tượng khác	6.864.390.588	6.864.390.588	6.769.121.451	6.769.121.451
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	52.843.450	52.843.450
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.712.506.700</b>	<b>9.712.506.700</b>	<b>8.351.472.562</b>	<b>8.351.472.562</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.830.573.941	20.234.642.712	(18.164.065.873)	5.901.150.780
Thuế thu nhập cá nhân	61.760.627	233.760.130	(212.701.392)	82.819.365
Thuế giá trị gia tăng	87.523.364	1.085.852.808	(887.132.798)	286.243.374
Thuế khác	-	385.621.098	(385.621.098)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.979.857.932</u></b>	<b><u>21.939.876.748</u></b>	<b><u>(19.649.521.161)</u></b>	<b><u>6.270.213.519</u></b>

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	679.099.600.000	71.821.151.584	-	(25.154.210.847)	725.766.540.737
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	32.752.168.101	32.752.168.101
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(117.700.000)	-	(117.700.000)
Số cuối năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(117.700.000)	7.597.957.254	758.401.008.838
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(117.700.000)	7.597.957.254	758.401.008.838
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.645.775.344	89.645.775.344
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(42.800.000)	-	(42.800.000)
Số cuối năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	97.243.732.598	848.003.984.182

#### 18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	
Vốn cổ phần của Tập đoàn	443.642.740.000	443.642.740.000	443.642.740.000	443.642.740.000	-
Vingroup – Công ty CP	67.909.960.000	67.909.960.000	67.909.960.000	67.909.960.000	-
Vốn cổ phần của Nhà nước	167.546.900.000	167.546.900.000	167.546.900.000	167.546.900.000	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	71.821.151.584	71.821.151.584	71.821.151.584	71.821.151.584	-
Thặng dư vốn cổ phần	(160.500.000)	(160.500.000)	(117.700.000)	(117.700.000)	-
Cổ phiếu quỹ					
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>750.760.251.584</b>	<b>750.760.251.584</b>	<b>750.803.051.584</b>	<b>750.803.051.584</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	679.099.600.000	679.099.600.000
Vốn góp tăng/(giảm) trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>679.099.600.000</u>	<u>679.099.600.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**18.4 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành và đã bán ra công chúng</b>	<b>67.909.960</b>	<b>67.909.960</b>
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>15.000</b>	<b>11.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.000	11.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang được lưu hành</b>	<b>67.894.960</b>	<b>67.898.960</b>
Cổ phiếu phổ thông	67.894.960	67.898.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>38.862.197.601</b>	<b>36.851.735.287</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	26.711.168.905	25.428.376.576
<i>Doanh thu từ dịch vụ cho thuê</i>	12.151.028.696	11.423.358.711
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>38.862.197.601</b>	<b>36.851.735.287</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	33.498.829.797	31.712.892.397
<i>Doanh thu đối với bên liên quan     (Thuyết minh số 26)</i>	5.363.367.804	5.138.842.890

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư (*)	53.239.640.000	-
Lãi cho vay	49.500.000.001	46.310.502.281
Lãi tiền gửi	11.303.520.922	6.698.311.773
Cổ tức	434.350.000	452.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.906.708	31.014.503
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.482.417.631</b>	<b>53.492.028.557</b>

(\*) Đây là khoản lãi từ giao dịch thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc (Thuyết minh số 14.2).

**19.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	12.151.028.696	11.423.358.711
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	5.391.701.200	5.064.068.649

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.615.771.078	19.780.222.134
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	5.391.701.200	5.064.068.649
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.007.472.278</b>	<b>24.844.290.783</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 14</i> )	(9.185.517.320)	-
Chi phí tài chính khác	41.627.552	38.279.029
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(9.143.889.768)</b>	<b>38.279.029</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	5.487.677.258	4.908.274.418
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.035.435	893.000.611
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	78.958.315	71.226.419
- Chi phí bán hàng khác	219.895.339	368.512.570
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.262.566.347</b>	<b>6.241.014.018</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.211.630.888	12.871.920.505
- Chi phí nhân viên	5.135.553.141	5.009.339.578
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.002.750.587	1.040.344.839
- Thuế, phí, lệ phí	885.529.374	739.838.379
- Chi phí đồ dùng văn phòng	215.979.274	173.968.307
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	233.261.887	246.601.459
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.684.705.151</b>	<b>20.082.013.067</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hoàn nhập các khoản nợ phải trả lâu ngày	1.083.763.290	-
Các khoản khác	262.893.542	123.945.327
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.346.656.832</b>	<b>123.945.327</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí sản xuất thành phẩm để bán	3.561.490.374	2.136.956.399
Chi phí nhân công	10.623.230.399	9.917.613.996
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.291.702.187	2.341.815.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.790.415.923	17.455.792.989
Chi phí khác	1.633.624.189	1.671.873.708
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.900.463.072</b>	<b>33.524.052.133</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.234.642.712	6.509.944.173
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.234.642.712</b>	<b>6.509.944.173</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.880.418.056	39.262.112.274
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.976.083.611	7.852.422.455
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	170.607.397	123.414.034
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào đơn vị khác	(1.825.178.296)	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	(86.870.000)	(90.440.000)
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	-	(1.375.452.316)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>20.234.642.712</b>	<b>6.509.944.173</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

*Lỗi chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã sử dụng hết khoản lỗ tính thuế lũy kế để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế.

Công ty đã đưa chi phí tiền thuê nhà và thuê đất, với tổng số tiền là 34.804.911.083 VND, liên quan đến giai đoạn trước khi Công ty tiến hành cổ phần hóa và đã được trả trong năm 2017 để xác định lỗ tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Khoản chi phí này chưa được Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam trước đây ghi nhận và đã được đưa vào lỗ lũy kế theo kế toán của công ty cổ phần trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng các khoản chi phí này đủ điều kiện để được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đề ngày 4 tháng 8 năm 2016. Theo Biên bản này, đoàn kiểm tra của Cục thuế thành phố Hà Nội đã căn cứ theo thỏa thuận trên Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược giữa Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam với Tập đoàn VinGroup – Công ty CP và “*tạm thời không ghi tăng chi phí đối với khoản tiền còn phải trả về tiền thuê đất, thuê nhà của các địa điểm trong thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 mà Công ty Savina còn nợ căn cứ theo thông báo tiền thuê nhà đất của XI nghiệp quản lý nhà quận Hoàn Kiếm*”.

Lỗ thuế ước tính của Công ty trong năm 2017 chưa được cơ quan thuế quyết toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính này.

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	2.481.244.620	2.410.293.468
		Tiền thuê nhà đã thu	6.099.126.700	3.121.987.725
		Chi phí in sách	475.646.500	1.183.731.409
		Tiền in sách đã trả	576.054.600	1.338.317.100
		Cổ tức lợi nhuận được chia	434.350.000	452.200.000
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool (“Công ty Vinschool”)	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	2.819.410.476	2.712.108.060
		Tiền bán hàng đã thu	2.791.813.320	2.939.183.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí mua hàng phải trả	72.442.900	73.382.727
		Chi phí mua hàng đã trả	72.442.900	73.382.727
		Doanh thu bán hàng	-	15.241.362
		Tiền bán hàng đã thu	-	17.565.362
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	62.712.708	1.200.000
		Tiền bán hàng đã thu	62.954.756	1.200.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: không).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	435.973.898	3.919.257.210
Công ty Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	30.795.080	-
			<b><u>466.768.978</u></b>	<b><u>3.919.257.210</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền in sách	-	52.843.450
			-	<b><u>52.843.450</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	604.807.485	527.444.233

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	89.645.775.344	32.752.168.101
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	89.645.775.344	32.752.168.101
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>89.645.775.344</b>	<b>32.752.168.101</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.894.933	67.898.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>67.894.933</b>	<b>67.898.960</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.320	482
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.320	482

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:**

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	26.711.168.905	12.151.028.696	-	38.862.197.601
Doanh thu từ bán hàng/dịch vụ ra bên ngoài	26.711.168.905	12.151.028.696	-	38.862.197.601
Giá vốn các bộ phận	21.615.771.078	5.391.701.200	-	27.007.472.278
Kết quả				
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	5.095.397.827	6.759.327.496	-	11.854.725.323
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				98.025.692.733
Lợi nhuận trước thuế				109.880.418.056
Chi phí thuế TNDN				(20.234.642.712)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>				<b>89.645.775.344</b>
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	19.122.761.377	16.386.978.639	-	35.509.740.016
Tài sản không phân bổ (ii)				831.328.376.147
<b>Tổng tài sản</b>				<b>866.838.116.163</b>
Công nợ bộ phận	10.014.328.891	1.320.410.459	-	11.334.739.350
Công nợ không phân bổ (iii)				7.499.392.631
<b>Tổng công nợ</b>				<b>18.834.131.981</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	25.428.376.576	11.423.358.711	-	36.851.735.287
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	25.428.376.576	11.423.358.711	-	36.851.735.287
Giá vốn các bộ phận	19.780.222.134	5.064.068.649	-	24.844.290.783
Kết quả				
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	5.648.154.442	6.359.290.062	-	12.007.444.504
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				27.254.667.770
Lợi nhuận trước thuế				39.262.112.274
Chi phí thuế TNDN				(6.509.944.173)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>				<b>32.752.168.101</b>
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	20.294.639.862	21.216.282.070	-	41.510.921.932
Tài sản không phân bổ (ii)				733.898.470.868
<b>Tổng tài sản</b>				<b>775.409.392.800</b>
Công nợ bộ phận	8.351.472.562	1.537.833.814	-	9.889.306.376
Công nợ không phân bổ (iii)				7.119.077.586
<b>Tổng công nợ</b>				<b>17.008.383.962</b>

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;

(ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn; chi phí trả trước dài hạn; và tài sản thiếu chờ xử lý;

(iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác không phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty***

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, Thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước.

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



C. Cao Tiến Bình  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020

